

Phạm Minh Điền

32 TƯỢNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT

Dvātriṃśatā mahā puruṣa lakṣaṇa

𑖀𑖄𑖘𑖚𑖛𑖜𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phạm Minh Điền

**32 TƯỞNG TỐT
CỦA
ĐỨC PHẬT**

Phật Lịch 2559

**KHÔNG GIỮ BẢN QUYỀN
HOAN NGHÊNH PHỔ BIẾN**

Thay lời tựa

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (tên tiếng Phạn là **Śākya Muni- 𑖀𑖩𑖫𑖛𑖜𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺**) thường được ca ngợi là có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Điều đó được nói đến trong nhiều bộ kinh như Kinh Tướng, Kinh Đại Bản...Tướng tốt hay vẻ đẹp hình thể bên ngoài ấy là vẻ đẹp của đức hạnh, là kết quả của sự tu hành trải qua vô lượng kiếp, từ giữ gìn ngũ giới, kính lễ, cúng dường chư Tăng, Sư trưởng, Phụ Mẫu... cho tới vì thương xót chúng sinh mà hy sinh hết thân để đem lại lợi lạc cho chúng sinh...

32 tướng tốt đó được đánh giá trên quan điểm nhân tướng học thời cổ xưa của người Ấn Độ, tham chiếu với nhân dạng của một con người thời nay, cũng có một vài chi tiết khó có thể hình dung như khối thịt lồi trên đỉnh đầu, lưỡi rộng dài quá mức, màng da lưỡi ở kẽ ngón chân, kẽ ngón tay...hay lòng bàn chân có hình bánh xe nhưng thực chất cũng đều có ẩn ý sâu xa nào đó. Ví như: lưỡi rộng dài là kết quả của nhiều kiếp không nói dối; lông trắng giữa hai chân mày biểu thị

cho sự xa rời cố chấp hai bên; khối thịt lồi trên đỉnh đầu biểu thị trí tuệ tột đỉnh...

Trong tiến trình học Phật và tìm hiểu về đạo Phật, dường như có sự cảm ứng nào đó với vẻ đẹp của Đức Phật thôi thúc khiến tôi – một Phật tử - tìm đọc sâu hơn về hình tướng của Đức Phật qua các bản kinh, qua các tài liệu nên dụng công sưu tầm, soạn dịch mà biên soạn nên cuốn sách nhỏ này... Ngoài nội dung và ý nghĩa của 32 tướng tốt, trong lần tái bản này, một số khái niệm trong giáo lý của Đạo Phật đã được trích dẫn, bổ sung nhằm giúp cho nội dung cuốn sách được tường minh hơn.

Sở học còn hạn chế, lý nhiệm màu của 32 tướng tốt của Đức Phật chưa hẳn đã được thấu đạt nên không thể tránh khỏi những sai sót trong cuốn sách nhỏ này. Ngưỡng kính các bậc Tiền Bối và các bạn đồng môn, đồng đạo, đồng tu quảng học lượng thứ giúp cho nội dung được hoàn thiện hơn.

Mọi công đức có được của việc biên soạn cuốn sách nhỏ này, xin được kính dâng lên các bậc Ân Sư đã bỏ công hướng dẫn, dạy dỗ, theo dõi và động viên con trên con đường học hỏi giáo lý Chư Tôn cho chính đúng.

Con thành kính cảm ơn Bồ Mẹ đã cho con thân xác còn nhiều khiếm khuyết này như là một trong những thử thách và động lực cho con trên con đường tu học tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát.

Xin chân thành cảm ơn người bạn đời và các con yêu đã chịu nhiều vất vả trong cuộc sống giúp cho tôi vững tâm trên con đường tu học tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát.

Xin chân thành cảm ơn các bạn đồng đạo và những người hữu duyên cùng gia đình đã hỗ trợ phần vật chất và công sức để cùng nhau ấn tống cuốn sách nhỏ này.

Phật Lịch 2559

Mạnh Xuân Ất Mùi (2015)

Phạm Minh Điền soạn ghi

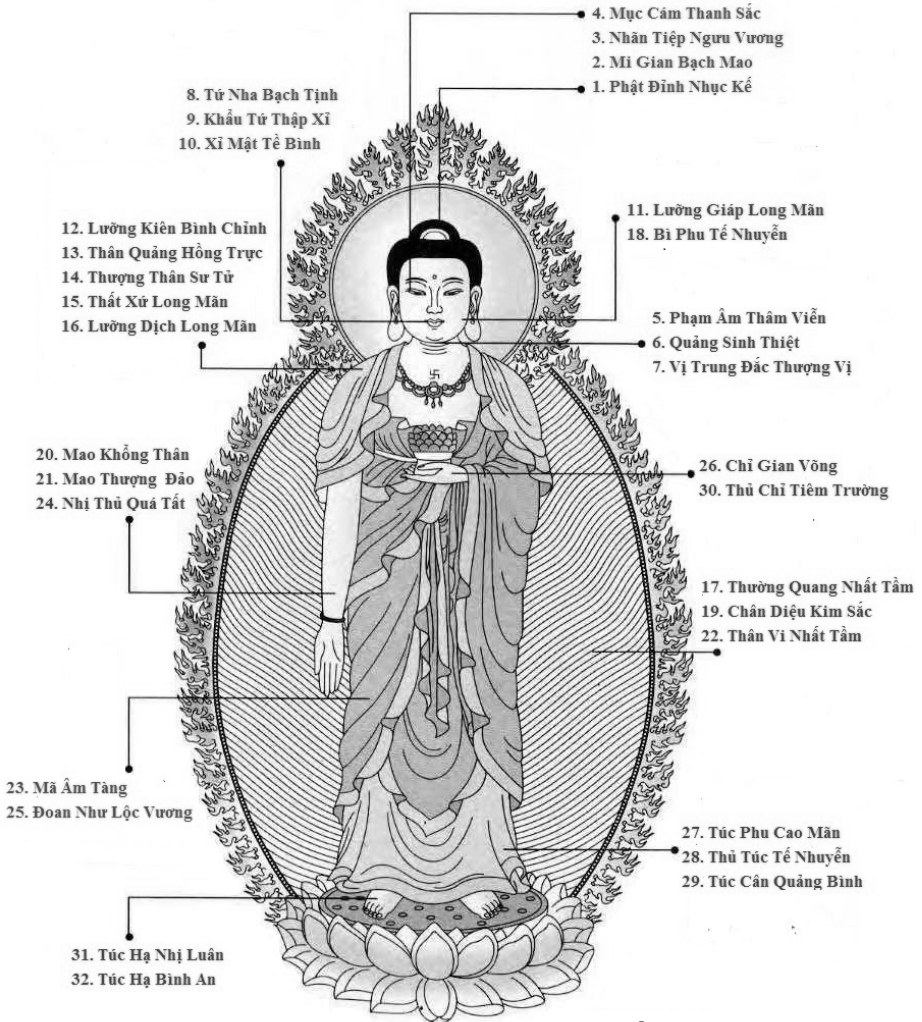


Chủng tử của Đức Thích Ca (BHAḤ)

32 tướng tốt của Đức Phật là kết quả của Chuyển Luân Thánh Vương cùng với Ứng Hóa Thân của Đức Phật có đầy đủ dung mạo thù thắng và hình tướng vi diệu. 32 tướng tốt có các tên gọi khác là **Đại nhân thập nhị tướng, Tam thập nhị đại trượng phu tướng, Tam thập nhị đại sĩ tướng, Đại Nhân tam thập nhị tướng** - tiếng Phạn là **Dvātriṃsatā mahā puruṣa lakṣaṇa** (𑖔𑖧𑖳𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞𑖫𑖞). Các tài liệu về 32 tướng tốt của Đức Phật cũng có những chỗ

khác nhau về tên gọi, nhưng tựu chung có thể phân định như sau:

32 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT




Nguyên ảnh: Internet


01. Phật Đỉnh Nhục Kế tướng

(còn có các tên gọi khác là **Phật Đỉnh Kế tướng**, **Đỉnh Thượng Nhục Kế tướng**, **Đỉnh Thành Nhục Kế tướng**, **Nhục Kế tướng**, **Ô Sắt Nị Sa tướng**) ý chỉ trên đầu có khối thịt lồi lên như búi tóc. Do vô lượng kiếp bèn bị thành tâm kính lễ Tam Bảo⁽¹⁾, cúng dường⁽²⁾ sư tăng Phụ Mẫu, tu trì mười thiện pháp⁽³⁾ mà đắc tướng này. Tướng này biểu thị trí tuệ, phúc đức viên mãn.

Tên tiếng Phạn:

uṣṇīṣa śiraskatā - 

uṣṇīṣa -  là búi tóc trên đỉnh đầu,

śiraskatā -  là bề mặt, bộ phận phía trên đầu,

kết hợp lại thành búi tóc trên đỉnh đầu, gọi tên là

Đỉnh Thượng Nhục Kế tướng.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **KHÂM**)

(1) **Tam Bảo** (tiếng Phạn là **ratna traya** - **𑀢𑀺𑀓𑀾𑀢𑀺**) nghĩa là ba ngôi báu gồm **Phật**, **Pháp** và **Tăng**.

a) **Phật**: Chữ Phật do phiên âm chữ **Buddha** (**𑀧𑀺𑀢𑀺**) của tiếng Phạn mà ra, nghĩa là: Bậc đã giác ngộ sáng suốt hoàn toàn về ba phương diện - Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

b) **Pháp**: Pháp là do dịch nghĩa chữ **Dharma** (**𑀢𑀺𑀢𑀺**) của tiếng Phạn mà ra. Pháp là phương pháp tu hành mà Phật đã phát huy ra để diệt trừ mọi mê muội, khổ đau và chứng được quả Phật.


c) **Tăng**: Tăng hay Tăng già là do phiên âm chữ **Samgha** (**𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺**) của tiếng Phạn mà ra; là Hòa hợp chúng, nghĩa là một đoàn thể tu hành từ bốn người trở lên, cùng nhau sống chung một chỗ, cùng giữ giới luật của Phật, cùng chia sẻ cho nhau một cách hòa thuận những gì đã thu nhận được, từ vật chất đến tinh thần.

(2) **Cúng Dường** (tiếng Phạn là **pūjā** - पुजा) nghĩa là cúng dâng lên Tam Bảo những gì thuộc sở hữu như vật chất hoặc công sức, thời gian...

(3) **Mười Thiện Pháp** (tiếng Phạn là **daśasu kuśaleṣu karma pathēṣu** - दशसुखसुखसुखसुखसुखसुखसुखसुखसुखसुखसुख) gồm:

1. **Không sát sinh:** không diệt mạng sống của kẻ khác hoặc loài khác.
2. **Không trộm cắp:** không lấy những vật chất, tiền tài... thuộc quyền sở hữu của người khác.
3. **Không tà dâm:** không quan hệ bất chính.
4. **Không nói dối:** không nói lời lừa gạt
5. **Không nói hai lời:** không nói lời gây chia rẽ.
6. **Không ác khẩu:** không nói lời khó nghe.
7. **Không thêu dệt:** nói lời trung thực.
8. **Không tham lam:** biết buông xả, biết bố thí.
9. **Không sân hận:** hiền hòa, không giận dữ.
10. **Không si mê tà kiến:** luôn sáng suốt, tỉnh giác.

02. Mi Gian Bạch Hào tướng

(còn có các tên gọi khác là **Bạch Hào tướng**, **Mi Gian Hào tướng**) ý chỉ khoảng giữa hai chân mày có một sợi lông trắng mịn, mềm mại như sợi tơ dâu-la (tūla - ). Tơ dâu-la là loại tơ mềm mại, nhỏ mịn bậc nhất của Ấn Độ cổ). Có được tướng này là do thấy chúng sinh tu Giới Định Tuệ⁽⁴⁾ mà hoan hỉ tán thán, động viên. Tướng này biểu thị tâm sáng ngời không vết gợn, thường cảm nhận được Chư Phật mười phương, cảm nhận được cảnh giới quang minh vi diệu.

Tên tiếng Phạn:

ūrṇā keśa - 

ūrṇā -  là lông,

keśa -  là dài mà rậm.

kết hợp lại thành ūrṇā keśa - 

gọi tên là **Mi Gian Bạch Hào tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:

(đọc là **HĂM**)



(4) **Giới-Định-Tuệ** là nếp sống đạo hạnh và trí tuệ được tập trung và đề cao trong Kinh Pháp Cú, một nếp sống hướng thượng mang lại hạnh phúc cho bản thân mình và cho người khác. **Giới-Định-Tuệ** là đạo hạnh của cả người xuất gia lẫn người tại gia. Với hành giả học Phật điều kiện đủ là phải học và tu qua ba học **Giới-Định-Tuệ**, để từ đó hiểu được cốt lõi của sự thực hành tu tập phải dựa trên nền tảng căn bản từ đâu mà tịnh hóa ba nghiệp **Thân-Khẩu-Ý** đưa đến giải thoát tất cả mọi thứ phiền não và đạt an nhiên tự tại trong cuộc sống? Ba học này còn gọi là ba thắng học; vì nếu hành giả áp dụng ba học này trong tu tập thì chúng sẽ thắng tất cả mọi thứ phiền não nghiệp có được từ trong vô lượng kiếp chúng ta đã tạo ra nhờ vào việc áp dụng ba học này.

Giới Luật:

Trong Đạo Phật, “*Giới*” (tiếng Phạn là **sīla** - **शील**) có nghĩa là những điều luật để phòng ngừa và tránh cho thân thể, lời nói và tâm ý khỏi phạm điều chưa đúng, đồng thời dứt dừng điều ác (phòng

phi, chỉ ác) hoặc ngưng điều ác và làm điều thiện (chỉ ác, tác thiện).

Giới là những quy luật, những quy tắc cần phải hành trì, là hàng rào phân định giữa thiện và ác, là phương pháp điều trị những tội lỗi do thân, miệng, ý phát sinh ra, nhằm đem lại lợi ích cho mình và cho người. Tu Giới giúp làm tăng trưởng nghiệp thiện cho hành giả, gọi là Tăng Giới học (**adhisīla** - **अधिशील**).

Thiền Định:

Thiền Định (tiếng Phạn là **dhyāna** - **ध्यान**) là tu tập bằng phương pháp tập trung tư tưởng, tâm trí vào một đối tượng duy nhất không cho tán loạn, loại trừ mọi thứ tạp niệm để tâm trí được vắng lặng và mạnh mẽ, nhằm quan sát và suy xét một vấn đề cho đến cùng cực và nhờ đó mà thấy được thật tính ngộ đạo, gọi là Tăng Tâm học (**adhicitta** - **अधिचित्त**).

Trí Tuệ:

Từ thiên định, người tu tiến dần đến trí tuệ (tiếng Phạn là **prajñā** - प्रज्ञा). Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí tuệ mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc, đến bờ giải thoát và giác ngộ. Tuệ có khả năng hiển bày bản tánh, đoạn trừ phiền não, thấy được thật tướng của chư Phật.

Trí Tuệ là pháp sáng suốt của tự tâm, luôn luôn thường còn và ai ai cũng sẵn có, chỉ vì mê mờ nên không tự biết, làm cho trí tuệ không được phát triển. Tu Tuệ giúp cho Tuệ tăng trưởng gọi là Tăng Tuệ học (**adhiprajñā** - अधिप्रज्ञा).

Giới Định Tuệ là ba môn học căn bản nhất trong hệ thống giáo dục Phật Giáo. Bởi vì toàn bộ giáo lý Phật Giáo không nằm ngoài phạm vi Giới Định Tuệ. Do vậy, nói học Phật là học Giới Định Tuệ, tu Phật là tu Giới Định Tuệ.

03. Nhãn Tiệp Ngu Vương tướng

(còn có các tên gọi khác là **Ngu Nhãn Tiệp tướng**, **Nhãn Tiệp Như Ngu Vương tướng**, **Ngu Vương Tiệp tướng**) ý chỉ lông mi dài, mềm mại, chảnh tề mà không tạp loạn, không rối. Có được tướng này là do vô lượng kiếp coi chúng sinh như phụ mẫu, thực thi tâm bình đẳng⁽⁵⁾, tràn ngập yêu thương chúng sinh. Tướng này biểu thị Tuệ Nhãn luôn mở, diệt trừ ngu si, mê muội.

Tên tiếng Phạn:

go-pakṣmā - ग॒प॒क्ष॒मा

go - ग॒ là ngu,

pakṣmā - प॒क्ष॒मा là lông mi.

kết hợp lại thành go-pakṣmā - ग॒प॒क्ष॒मा

gọi tên là **Nhãn Tiệp Ngu Vương tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là HĂM)

(5) **Tâm Bình Đẳng** (tiếng Phạn là **citta-samatā** - **समत्तम**):

Kinh Phật nói “Tâm, Phật, chúng sinh; cả ba đều không sai khác và bình đẳng trong bình đẳng”. Theo giáo lý Đạo Phật, bình đẳng không phải chỉ trong một bộ phận, mà là bình đẳng toàn diện. Không riêng nói bình đẳng giữa người với người, bình đẳng giữa Phật với Phật, mà người với Phật, người với động vật, người với Thiên thần quý ngục đều là bình đẳng. Không riêng nói loài hữu tình bình đẳng, mà tất cả Tâm pháp, tất cả Sắc pháp, Tâm pháp và Sắc pháp, Nhân pháp và Quả pháp, không cái gì là không bình đẳng. Nghĩa là “Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp”. Song chúng sinh vì có tướng sai biệt, nên mờ mất Bản tính, sinh tâm điên đảo tà kiến, rồi làm thấy tất cả đều sai biệt, chứ thật ra hết thấy Bản tính đều y nhiên bình đẳng, chưa từng thay đổi; đó là nền gốc lý luận của Phật giáo, toàn bộ giáo nghĩa cũng đều từ đó mà sinh ra.

04. Mục Cầm Thanh Sắc tướng

(còn có các tên gọi khác là **Cầm Thanh Nhãn tướng**, **Mục Cầm Thanh Tướng**, **Cầm Nhãn tướng**, **Cầm Thanh Nhãn tướng**, **Liên Mục tướng**) ý chỉ tròng mắt có màu xanh biếc, ánh mắt hiện từ rọi chiếu. Do vô lượng kiếp trau dồi thực hành tâm từ, nhìn nhận sự vật hiện tượng xung quanh với con mắt hiện từ, tấm lòng luôn hoan hỉ bố thí⁽⁶⁾ hết thảy chúng sinh mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị nhãn căn thanh tịnh, minh khiết, thấm nhuần giáo lý của Phật.

Tên tiếng Phạn:

abhinīla-netra - **अभिनील**

abhi - **अभि** là thuộc về,

nīla - **नील** là sắc xanh,

netra - **नेत्र** là con mắt.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là RA)

⁽⁶⁾ **Bố Thí** (tiếng Phạn là **dāna** - दान):

Bố Thí là cho hết, cho khắp. Phép tu nhà Phật có sáu phép tu tới Bồ-tát (hay còn gọi là Lục Độ Ba La Mật, tiếng Phạn là **ṣaṭ pāramitā** -

षट्पारमिता) gồm:

1. Bố Thí – tiếng Phạn là **dāna** - दान
2. Trì Giới – tiếng Phạn là **sīla** - सील
3. Nhẫn Nhục – tiếng Phạn là **kṣānti** - क्षान्ति
4. Tinh Tiến – tiếng Phạn là **vīrya** - वीर्य
5. Thiền Định – tiếng Phạn là **dhyāna** - ध्यान
6. Trí Tuệ - tiếng Phạn là **prajñā** - प्रज्ञा

Phép **Bố Thí** đứng đầu, vì phép này giúp giảm trừ bệnh tham – một trong Tam Độc gồm Tham, Sân và Si.

05. Phạm Âm Thâm Viễn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Phạm Âm tướng**, **Thanh Như Phạm Âm tướng**) ý chỉ giọng nói trong ấm và vang xa như tiếng Phạm Vương, âm lượng mỹ diệu, tròn đầy, viên mãn, xa gần đều có thể nghe được. Do vô lượng kiếp tu trì thanh tịnh khẩu nghiệp, nói những điều chân thật tràn ngập yêu thương, nhất thiết xa lánh những lời ác độc, đặt điều, sáo ngữ..., từ bỏ nghi ngờ, đố kỵ, lòng sinh thiện pháp mà đắc được tướng này.

Tên tiếng Phạn: **brahma svarah** ब्रह्म स्वरः

brahma - ब्रह्म là Phạm, dịch là Bà La Môn,

svarah - स्वरः là âm thanh, âm nhạc.

brahma svarah tạo thành **Phạm Âm tướng**, **Thanh Như Phạm Vương tướng**, **Phạm Âm** trong trẻo, ấm cúng vang khắp hư không. **Phạm Âm** là tiếng cõi Thiên, biểu thị như thể tâm nhãn đã được khai mở.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HOM**)

06. Quảng Sinh Thiệt tướng

(còn có các tên gọi khác là **Quảng Thiệt Bạc tướng, Thiệt Quảng Bạc tướng, Quảng Trường Thiệt tướng**) ý chỉ đầu lưỡi rộng, dài, mềm mại, khi thè ra có thể che lấp được bên má. Có được tướng này là do vô lượng kiếp tu tập giữ gìn khẩu nghiệp thanh tịnh, lời nói nhẹ nhàng, dễ nghe, giữ gìn giới đạo, phát tâm thệ nguyện, thường hành tâm bi và thực hành hồi hướng⁽⁷⁾ pháp giới. Tướng này biểu thị năng làm điều tốt mà hóa giải được trọng tội từ vô lượng kiếp, được kiến ngộ chư Phật, Bồ tát.

Tên tiếng Phạn:

prabhūta-tanu-jihvatā 

prabhūta -  là quảng đại,

tanu -  là nhỏ, dài,

jihvatā -  là đầu lưỡi.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HAM**)

(7) **Hồi hướng** (tiếng Phạn là **pariṇāmanā** - प (१०५१)) chữ trong kinh Phật, nghĩa là đem công đức của mình mà hướng về nơi khác, đại khái có thể chia làm ba thứ :

a. Đem công đức của mục A đã tu mà hồi hướng cho mục B. Như làm các việc từ thiện, mà muốn lấy công đức ấy để cầu lấy cái phúc được vãng sinh sang nước Cực-lạc,

b. Lấy công đức của mình tu mà hồi hướng cho người. Như tự mình niệm Phật lễ bái, mà quy công đức cho người đã quá vãng khiến cho người đã quá vãng được siêu sinh,

c. Đem muôn phúc muôn thiện của Phật mà hồi hướng cho chúng sinh nhờ công đức ấy đều được vãng sinh nơi Tịnh-độ.



07. Vị Trung Đắc Thượng Vị tướng

(còn có các tên gọi khác là **Đắc Thượng Vị tướng**, **Thường Đắc Thượng Vị tướng**, **Tri Vị Vị tướng**) ý chỉ nước trong miệng Phật có vị ngọt thơm. Do vô lượng kiếp⁽⁸⁾ xót thương, lo lắng cho chúng sinh như con cái, lại thêm tu hành thiện pháp hồi hướng bồ đề⁽⁹⁾ mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị diệu pháp Chư Phật luôn giúp chúng sinh thỏa chí nguyện.

Tên tiếng Phạn: **rasāgratā** - [रसग्रत]

rasa - [रस] là vị đạo (mạch nơi yết hầu), còn có nghĩa khác là nước miếng,

agra - [अग्र] là tối cao, tối thượng,

tā - [ता] là có.

kết hợp lại thành **rasāgratā** - [रसग्रत]

gọi tên là **Đắc Thượng Vị tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:

𑖀

(đọc là MAM)

- (8) **Kiếp** (tiếng Phạn là **kalpa** - 𑖅𑖜𑖩) là số kiếp, đời kiếp - tính từ lúc người ta thọ được 84000 tuổi, trải qua một trăm năm, lại giảm đi một tuổi, giảm mãi cho đến lúc chỉ còn thọ được có mười tuổi, rồi cứ một trăm năm tăng thêm một tuổi, tăng cho đến 84000 tuổi, trong một thời gian tăng giảm như thế gọi là một **tiểu kiếp** (tiếng Phạn là **abhyantara kalpa** - 𑖅𑖜𑖩𑖛𑖜𑖩𑖜𑖩𑖜𑖩 𑖅). Hai mươi lần tăng giảm như thế gọi là **trung kiếp** (tiếng Phạn là **antaḥ kalpa** - 𑖅𑖜𑖩𑖛𑖜𑖩𑖜𑖩 𑖅). Trải qua bốn trung kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không là một **đại kiếp** (tiếng Phạn là **mahā kalpa** - 𑖅𑖜𑖩𑖛𑖜𑖩𑖜𑖩𑖜𑖩𑖜𑖩 𑖅) (tức là 80 tiểu kiếp).
- (9) **Bồ Đề** (tiếng Phạn là **Bodhi** - 𑖅𑖜𑖩) là Đạo quả mà Đức Phật chứng được, lại đứng vào ngày Đức Thế Tôn thành Phật dưới cây Tất Bát La (nhân đó đặt tên cây là Bồ Đề Thụ hoặc Bồ Đề Thọ)

08. Tứ Nha Bạch Tịnh tướng

(còn có tên gọi khác là **Xĩ Bạch Như Tuyết tướng**) ý chỉ 4 chiếc răng cửa trên dưới đều trắng như tuyết, tinh khiết, chắc chắn như kim cương. Do vô lượng kiếp thường nghĩ về thiện pháp, rộng tu tâm từ bi, dùng trí tuệ mà tột phá tam độc Tham, Sân, Si⁽¹⁰⁾ mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị trí tuệ sáng ngời có công năng cắt đứt, phá vỡ hết thảy sự kiên cố của tam độc Tham, Sân, Si đang bám rễ trong hết thảy chúng sinh.

Tên tiếng Phạn: **suśukla-danta** - सुसुकुलदन्त

sukla - सुकु là khiết bạch, phát sáng.

su - सु là đặc, ken chặt; **danta** - दन्त là răng.

suśukla-danta सुसुकुलदन्त có nghĩa là 4 chiếc răng cửa sạch trắng như tuyết.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **ĐA**)

⁽¹⁰⁾ Tham-Sân-Si được gọi là Tam Độc.

- a) **Tham** (tiếng Phạn là **rāga** - 𑖦𑖯) nghĩa là mong cầu không biết chán.
- b) **Sân** (tiếng Phạn là **krodha** - 𑖦𑖱) nghĩa là cău, giận.
- c) **Si** (tiếng Phạn là **moha** - 𑖦𑖶) nghĩa là dốt nát, mê muội.
- d) **Tam Độc** (tiếng Phạn là **tri doṣa** - 𑖦𑖶𑖱) nghĩa là Ba thứ Độc cần tránh.



09. Tứ Thập Xỉ tướng

(còn có tên gọi khác là **Cụ Tứ Thập Xỉ tướng**) ý chỉ có đủ 40 răng. Các răng không quá to, không quá nhỏ, sắc răng trắng sáng, hàng lồi chỉnh tề. Do vô lượng kiếp xa rời ác khẩu, không nói hai lời, từ bỏ tâm sân hận, thực hành tâm bình đẳng và tâm từ bi mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị lời nói thường phát ra mùi thơm diệu kỳ, thanh tịnh, giúp chúng sinh⁽¹¹⁾ đoạn trừ khẩu nghiệp ác, diệt trừ vô lượng tội⁽¹²⁾, thọ nhận vô lượng diệu pháp an vui.

Tên tiếng Phạn:

catvāriṃśa-danātā - व ङ् श्रं शि द न ङ

catvāriṃśad - व ङ् श्रं शि ङ là 40 (śad là do śata

biến hóa mà thành), danta - द न् là răng.

catvāriṃśa-danātā là có đủ 40 răng.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **ĐA**)

(11) **Chúng sinh** (tiếng Phạn là **sattvā** - सत्त्व) là các loài có sống, có chết, có cảm giác.

(12) **Tội** (tiếng Phạn là **pāpa** - पाप) là việc làm phạm phép luật phải chịu phạt.



10. Xỉ Bình Tề Tướng

(còn có các tên gọi khác là **Xỉ Mật Tề Bình tướng**, **Chư Xỉ Tề Mật tướng**) ý chỉ các răng không to không nhỏ, đều và khít, chỉnh tề, không lô nhô chen lấn. Do vô lượng kiếp dùng thiện pháp làm lợi lạc cho hết thảy chúng sinh, thường hằng khen ngợi, động viên người khác đúng lúc mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị sự hòa thuận và đồng tâm.

Tên tiếng Phạn:

sama-danta **समि दन्त**

sama - **समि** là bình đẳng, thống nhất, chỉnh tề,

danta - **दन्त** là răng,

kết hợp lại thành **sama-danta समि दन्त**, gọi tên là **Xỉ Bình Tề tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:




(đọc là **ĐA**)


11. Diện Viên Mãn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Giáp Xa tướng**, **Giáp Xa Như Sư Tử tướng**, **Lưỡng Giáp Long Mãn tướng**, **Sư Tử Giáp tướng**) ý chỉ hai quai hàm đầy đặn, chắc chắn như quai hàm sư tử - như trăng tròn tỏa sắc trắng vàng. Do vô lượng kiếp tu tập tích công bồi đức⁽¹³⁾, hoan hỷ bố thí mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị diệt trừ vô lượng kiếp tội trong luân hồi⁽¹⁴⁾, thấm nhuần tư tưởng của Chư Phật.

Tên tiếng Phạn:

siṃha-hanu - 

siṃha -  là sư tử,

hanu -  là quai hàm, xương quai hàm.

kết hợp lại thành **siṃha-hanu** - 

gọi tên là **Sư Tử Giáp tướng** hay **Diện Viên Mãn tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là VA)

⁽¹³⁾ Công Đức (tiếng Phạn là **guṇa** - )

Là lợi ích của những việc lành thiện đem lại kết quả, sung sướng cho mình, cho người. Ví dụ: bố thí, giúp đỡ người nghèo khổ, ủng hộ những người tu hành chân chính, hộ trì chánh pháp... Tự thân công phu tu tập, hành trì theo lời Phật dạy trong các kinh điển, luôn luôn niệm Phật, giữ gìn giới luật, tu tập thiền định, phát huy trí tuệ bát nhã, nhằm mục đích cứu cánh là: thoát ly khỏi lục đạo sinh tử luân hồi, sớm đến bờ giác ngộ và giải thoát, giúp chuyển hóa tâm tính từ phàm phu tục tử trở thành Bồ Tát, thành Phật.

⁽¹⁴⁾ **Luân Hồi** (tiếng Phạn là **samsāra** - 𑖀𑖡𑖫𑖛)

Danh từ **Luân Hồi** do gốc chữ Hán: **Luân** là xoay vần, là bánh xe; **Hồi** là trở về. Phật Pháp cho rằng: Chúng sinh trên cõi thế gian đều mắc trong vòng sinh tử, tử sinh, sống rồi chết, chết rồi sống lại, giống như cái bánh xe xoay tròn không dứt. Như vậy, **Luân Hồi** có nghĩa là đầu thai lại nơi cõi Trần để học hỏi và để trả các nghiệp quả đã gây ra ở những kiếp trước.

12. Kiên Viên Mãn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Kiên Viên đại tướng**, **Lưỡng Kiên Bình Chỉnh tướng**) ý chỉ hai vai tròn trịa, đầy đặn, bằng phẳng, không trơ xương, không vết lõm. Do vô lượng kiếp tạo tượng⁽¹⁵⁾, tu tháp⁽¹⁶⁾, thực thi hạnh không sợ hãi mà đắc tướng này. Tướng này biểu thị luôn diệt trừ nghi hoặc⁽¹⁷⁾, trừ nghiệp chướng⁽¹⁸⁾ mà đạt vô lượng công đức.

Tên tiếng Phạn:

susamvṛtta skandha - सुसंवृत्तस्कंध

skandha - स्कंध là thân thể, ở đây hiểu là bắp vai

su - सु là đẹp, tròn đầy.

samvṛtta - संवृत्त phân da bọc đầu xương vai.

hợp xưng gọi tên là **Kiên Viên Mãn tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử: 𑖀

(đọc là MĀM)

(15) **Tượng** – tiếng Phạn là **bimba** - (बिम्ब)

Sau khi Đức Phật tịch, đời sau chỉ còn thờ tượng giống như lúc sinh thời, gọi là đời Tượng pháp.

(16) **Tháp** – tiếng Phạn là **stūpa** - (स्तूप)

(17) **Nghi hoặc** - tiếng Phạn là **vicikitsā** - (विचिकित्सा) nghĩa là lòng chưa tin tưởng.

(18) **Nghiệp chướng** (tiếng Phạn là **karmāvaraṇa** - (कर्मवन्ध)) nghĩa là ác nghiệp do ba nghiệp Thân, Miệng và Ý của chúng sinh tạo ra có thể gây chướng ngại cho việc tu tập Chính đạo.



13. Thân Đao Trục tướng

(còn có các tên gọi khác là **Thân Quảng Hồng Trục tướng**, **Quảng Hồng Trục tướng**, **Đại Nhân Trục Thân tướng**) ý chỉ thân Phật to lớn cân đối, ngay thẳng, uy nghi, trang nghiêm. Do thân nghiệp thanh tịnh viên mãn, xa lìa sát sinh⁽¹⁹⁾, trộm đạo⁽²⁰⁾, kiêu mạn⁽²¹⁾, tà dâm⁽²²⁾ mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị sự chú tâm lắng nghe và giúp đỡ chúng sinh giảm bớt khổ, đạt được chánh niệm và tu tập thực hành 10 việc thiện.

Tên tiếng Phạn:

rjugātratā - 𑖕𑖧𑖫𑖜𑖩

rju - 𑖕 là chính trực, đoan trực,

gātra - 𑖧𑖫 là phần thân thể trên dưới,

tā - 𑖩 là tướng, là hình thể.

kết hợp lại thành rjugātratā - 𑖕𑖧𑖫𑖜𑖩 gọi tên là **Thân Đao Trục tướng**.

(19) **Sát sinh** – tiếng Phạn là **prāṇātipāta** -

प्रणतिपात - là giết hại sự sống hay nói một cách khác, sát sinh là hành động của một con người làm đoạn sự sống của một chúng sinh khác.

(20) **Trộm đạo** – tiếng Phạn là **adattādāna** -

अदत्तादान

(21) **Kiêu mạn** – tiếng Phạn là **māna** - मांन

Trong giáo lý đạo Phật, kiêu mạn được xem là tâm lý không chính đáng, là tâm cấu uế, là pháp chướng đạo hay ác pháp cần phải loại bỏ vì nó là cảm thức tự mãn sai lầm, ngăn cản sự tiến bộ của tâm thức trong quá trình tu tập khiến hành giả tu Phật rơi vào tình trạng mê muội, phóng dật, đi lạc và tà đạo, thực hiện các hành vi bất thiện về Thân, về Khẩu, về Ý dẫn đến hậu quả khổ đau.

(22) **Tà dâm** – tiếng Phạn là **kāma mithyācāra** -

काममिथ्याचार

14. Thượng Thân Sư Tử tướng

(còn có các tên gọi khác là **Sư Tử Thân tướng**, **Thượng Thân tướng**, **Thân Như Sư Tử tướng**) ý chỉ phần thân trên quảng đại, dáng ngồi trông trang nghiêm mà ung dung tự tại. Do vô lượng kiếp tu trì thiện nghiệp, tịnh khiết khẩu nghiệp, không ăn nói hai lời, truyền dạy các thiện pháp, hành xử nhân hòa, xa rời ngã mạn mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị sự oai nghiêm, tự tin, cao quý, từ bi viên mãn.

Tên tiếng Phạn:

sīṃha pūrvārdha kāya - 

sīṃha -  là sư tử,

pūrvā -  là phần đầu,

ārdha -  là nửa phía trên,

kāya -  là thân thể.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **THOM**)

15. Thất Xứ Long Mãn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Thất Xứ Bình Mãn tướng**, **Thất Xứ Mãn Kiên tướng**) ý chỉ bảy chỗ của thân Phật bằng phẳng, dày dặn và đều đặn gồm hai tay, hai chân, hai vai và phần trước cổ có da thịt mềm mại, dày dặn. Do vô lượng kiếp tu tâm không tham lam vật chất, của cải, rộng lòng bố thí cho chúng sinh mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị hết thấy chúng sinh làm nhiều việc thiện, lập công bồi đức.

Tên tiếng Phạn:

saptotsada - सप्तसद

saptot - सप्त = sapta - सप्त + ut - उत

saptot - सप्त là bảy (số đếm),

ut - उत là cao, dày dặn,

tsada - सद là vị trí, chỗ.

kết hợp lại thành saptotsada - सप्तसद

gọi tên là **Thất Xứ Long Mãn tướng**.

16. Lương Dịch Long Mãn tướng

(còn có các tên gọi là **Dịch Hạ Bình Mãn tướng**, **Kiên Bạc Viên Mãn tướng**) ý chỉ hai phần thân phía trước chỗ sát nách có cốt nhục viên mãn, đầy đặn, cân đối. Do vô lượng kiếp hay ban phát cho chúng sinh thuốc thang y dược, đồ ăn thức uống, lại có khả năng khám chữa bệnh mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị giúp đỡ chúng sinh lắng nghe, thấm nhuần giáo lý mà thỏa tâm nguyện học Phật.

Tên tiếng Phạn:

citāṃtarāṃsa - (𑖇𑖫𑖜𑖩𑖱)

citāṃ - (𑖇𑖫) là rất đầy đặn, phì nhiêu, tươi tốt,

tarāṃ - (𑖜𑖩) là cao, nổi lên, lồi lên,

sa - (𑖱) là cùng, là và.

hợp xưng gọi tên là **Lương Dịch Long Mãn tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử: 𑖜𑖩

(đọc là TAM)

17. Thân Quang Nhất Trụ tượng

(còn có các tên gọi khác là **Thường Quang Nhất Tâm tượng**, **Viên Quang Nhất Tâm tượng**) ý chỉ thân Phật phóng ánh sáng quang minh, bốn phương đều được chiếu rọi. Do phát đại Bồ Đề tâm⁽²³⁾, chuyên cần tu vô lượng thiện nguyện pháp mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị luôn tu tập, hết thấy nhất tâm phát nguyện dứt trừ nghi hoặc, dứt trừ nghiệp chướng.

Tên tiếng Phạn:

mahā-prabhāsvara **महाप्रभस्वरा**

mahā - **महा** là to lớn; pra - **प्र** là sung mãn,

bhāsvara - **भस्वरा** là quang minh phổ chiếu.

hợp xưng gọi tên là **Thường Quang Nhất Tâm tượng** (ý chỉ thân Phật phát xuất ánh sáng).

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử: **𑖀**

(đọc là **LAM**)

18. Bì Phu Tế Nhuyễn tướng

(còn có các tên gọi là **Tế Bạc Bì Quang Lượng tướng**, **Thân Bì Tế Hoạt Trần Cấu Bất Trú tướng**, **Hoàn Cự Kim Sắc Quang tướng**) ý chỉ da dẻ mịn màng, mềm mại, trơn nhẵn, hết thấy bụi trần không thể bám vào. Do vô lượng kiếp bố thí nơi ăn chôn ở cho chúng sinh, tu tập xa rời điều ác, gần gũi các bậc trí giả mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị tâm bình đẳng không nhiễm trần cấu⁽²⁴⁾, lấy đại từ bi mà hóa độ lợi lạc chúng sinh.

Tên tiếng Phạn:

sūkṣma survarṇa-cchavi सुक्ष्मसुवर्णकञ्च

sūkṣma- सुक्ष्म là nhỏ, mịn, dài thành tia,

survarṇa- सुवर्ण (do svarṇa biến hóa mà thành) là ánh sáng, sắc vàng.

cchavi - कञ्च là nước da, bề mặt làn da.

hợp xưng gọi tên là **Bì Phu Tế Nhuyễn tướng**.

(23) **Bồ Đề Tâm** – tiếng Phạn là **Bodhi citta** - **बुद्धिचित्त** hay Tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ, tâm thấy được bản mặt thật của chư pháp, tâm tin vào nhân quả và Phật tính nơi chúng sinh cũng như luôn dụng công tu hành hướng về quả vị Phật.

(24) **Trần Cấu** - tiếng Phạn là **rajo mala** - **रजमल**. Đức Phật cho **Sắc** (màu sắc, tiếng Phạn là **rūpa**-**रूप**), **Thanh** (âm tiếng, tiếng Phạn là **śabda**-**शब्द**), **Hương** (hơi thơm, tiếng Phạn là **gandha**-**गन्ध**), **Vị** (mùi vị, tiếng Phạn là **rasa**-**रस**), **Xúc** (chạm biết, tiếng Phạn là **sparsa**-**स्पर्श**) và **Pháp** (khuôn phép, tiếng Phạn là **dharma**-**धर्म**) là **Lục Trần** (Sáu Trần, tiếng Phạn là **ṣaḍ viśaya**-**षड्विषय**), nghĩa là bao nhiêu thứ ham muốn không lành mạnh đều vì sáu món đó mà khởi lên làm loạn chân tính.

19. Kim Sắc Thân tướng

(còn có tên gọi khác là **Chân Diệu Kim Sắc tướng, Thân Bì Kim Sắc tướng**) ý chỉ toàn thân cùng chân, tay đều ánh lên sắc vàng. Do vô lượng kiếp hoan hỷ tu thiện pháp, xa rời sân hận, dùng mắt từ và tâm bi quán độ chúng sinh mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị chúng sinh năng từ bỏ thềm muốn vật chất, từ bỏ ham muốn khoái lạc, diệt trừ tội lỗi mà sinh thiện đức.

Tên tiếng Phạn:

suvarṇa varṇa - सुवर्णवर्ण

suvarṇa - सुवर्ण là ánh sắc vàng, quang minh,
varṇa - वर्ण là bề ngoài của thân thể.

kết hợp lại thành suvarṇa varṇa - सुवर्णवर्ण, gọi tên là **Kim Sắc Thân tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:




(đọc là **LAM**)


21. Thân Mao Thượng Toàn tướng


(còn có các tên gọi khác là **Mao Thượng Đảo tướng, Thân Mao Hữu Đảo tướng**) ý chỉ lông trên mình Phật đều mọc hướng ngược lên, có màu sắc xanh và mềm mại như tơ. Do vô lượng kiếp tôn kính sư trưởng, tu hành hết thầy các thiện pháp mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị hay quán chiếu chúng sinh, lắng nghe chúng sinh, tâm sinh hoan hỉ, quy y tam bảo mà tích góp được vô lượng công đức.

Tên tiếng Phạn:

ūrdhvam ga roma - 

ūrdhvam -  là ngay thẳng, dựng đứng, hướng lên phía trên.

ga -  là di động, là chuyển hướng,

roma -  là lông, tóc.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HĀM**)

22. Thân Vi Nhất Tầm tướng

(còn có các tên gọi khác là **Thân Tòng Quảng Đẳng tướng**, **Viên Thân tướng**, **Ni Câu Lô Đà Thân tướng**) ý chỉ dung mạo và thể tướng của Đức Phật – các bề cao rộng tỷ lệ thật cân đối, toàn chu vi tròn đầy viên mãn.

Tên tiếng Phạn:

nyagrodha parimaṇḍala **न्याग्रोद्धापारिमाण्डला**

nya - **न्या** là châu, là hướng về

grodha - **ग्रोद्धा** là sinh trưởng, là nảy nở

pari - **पारि** là chu vi

maṇḍala - **माण्डला** là hình tròn, là mãn nguyệt

hợp xung gọi tên là **Thân Vi Nhất Tầm tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử: **ॐ**

(đọc là **THOM**)



23. Mã Âm Tàng tướng

(còn có các tên gọi khác là **Âm Tàng Ẩn Mật tướng**, **Tượng Mã Tàng tướng**) ý chỉ ẩn tướng mạnh mẽ không lộ ra ngoài. Do vô lượng kiếp đoạn trừ tà dâm, tu tập chính quán, từ bi dẫn giảng cho chúng sinh, không khiến cho chúng sinh sợ hãi mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị thọ mệnh lâu dài, thuyết giảng thiện pháp mà thu hút được nhiều người hữu duyên, tạo nên uy tín rộng khắp.

Tên tiếng Phạn:

kośopagata-vasti-guhya **𑖀𑖔𑖔𑖔 𑖔𑖔𑖔𑖔**

kośa - **𑖀𑖔** là trập trùng,

upagata - **𑖔𑖔𑖔𑖔** là hướng tới, nhập vào,

kośopagata - **𑖀𑖔𑖔𑖔𑖔** là chứa giấu,

vasti - **𑖔𑖔** là âm nang,

guhya - **𑖔𑖔𑖔** là ẩn tàng, ẩn mật, thần bí.

hợp xưng gọi tên là **Âm Tàng Ẩn Mật tướng** hay **Mã Âm Tàng tướng**.

24. Trường Thủ Quá Tất tướng

25. Đoan Như Lộc Vương tướng

(còn có các tên gọi khác là **Lộc Vương Đoan tướng**, **Lưỡng Đoan Lộc Vương tướng**) là ý chỉ cơ thịt của bắp đùi và đầu gối săn chắc như đùi con hươu. Do vô lượng kiếp chuyên tâm lắng nghe diệu pháp chân thật, chuyên cần đưa chánh pháp tới người hữu duyên mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị năng trừ tội chướng, tăng trưởng Giới, Định và Tuệ.

Tên tiếng Phạn:

aiṇeya jañghā - **अणय जाङ्घ**

aiṇeya - **अणय** là mẫu hắc linh dương,

jañghā - **जाङ्घ** là đoan cốt – xương đùi, bắp đùi,

aiṇeya jañghā - **अणय जाङ्घ** hợp xưng gọi tên

là **Đoan Như Lộc Vương tướng** hoặc **Lưỡng Đoan Lộc Vương tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HAH**)

27. Túc Phu Cao Mãn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Túc Phu Long Khởi tướng**, **Túc Phu Đoan Hậu tướng**, **Túc Phu Cao Bình tướng**) ý chỉ mu bàn chân cao và đều đặn. Do thường hằng tu phúc, thường làm pháp bố thí mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị dùng tâm đại bi, dùng thiện pháp mà đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Tên tiếng Phạn:

ucchāñkha-pāda - उक्क ण पदा

hoặc (utsaṅga-pāda उस्स ण पदा)

uccha - उक्क là cao mãn, đầy đặn,

aṅga - ण ण là hình vóc, vóc dáng,

pāda - पदा là bàn chân.

hợp xưng gọi tên là **Túc Phu Cao Mãn tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HÂM**)

28. Thủ Túc Nhu Nhuyễn tướng

(còn có các tên gọi khác là **Thủ Túc Như Đâu La Miên tướng**, **Thủ Túc Tế Nhuyễn tướng**) ý chỉ hai tay, hai chân mềm mại, thon đẹp. Do vô lượng kiếp cúng dường sư trưởng, phụ mẫu đồ ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị Đức Phật lấy từ bi làm phương tiện quán chiếu công đức xa gần.

Tên tiếng Phạn:

mṛdu-taruṇa-pāṇi-pāda tala

मृदु तनु उम पम पद तल

mṛdu - मृदु là mềm mại, mịn màng.

taruṇa - तनु là thanh xuân, đầy sức sống.

pāṇi-pāda - पम पद là chân tay.

tala - तल là làn da.

hợp xưng gọi tên là **Thủ Túc Nhu Nhuyễn tướng**.

29. Túc Cân Quảng Bình tướng

(còn có các tên gọi khác là **Túc Cân Viên mãn tướng, Túc Cân Trường tướng, Cước Cân Trường tướng**) ý chỉ gót chân đầy đặn, tròn đẹp, cân đối. Do vô lượng kiếp lấy pháp tu TRÍ làm trọng, giữ gìn giới đạo, cung kính nghe pháp, chuyên cần tu thiện nghiệp mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị độ hóa, làm lợi hết thảy chúng sinh.

Tên tiếng Phạn:

āyata pāda pārṣṇitā **अयत पाद पार्ष्णिता**

āyata - **अयत** là đầy đặn, hậu trọng,

pāda - **पाद** là bàn chân,

pārṣṇitā - **पार्ष्णिता** là gót chân.

hợp xưng gọi tên là **Túc Cân Quảng Bình tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:

(đọc là **HĀM**)



30. Thủ Chỉ Tiêm trường tướng

(còn có các tên gọi khác **Trường Chỉ Chỉ tướng, Chỉ Tiêm Trường tướng, Chỉ Trường Hảo tướng, Tiêm Trường Chỉ tướng**) ý chỉ các ngón tay, ngón chân của Đức Phật đều thon, dài, thẳng, hình thức đẹp. Do vô lượng kiếp lễ kính cúng dường sư trưởng, đoạn trừ tâm kiêu mạn, hòa thuận với chúng sinh mà đạt được tướng này. Tướng này biểu thị chúng sinh hoan hỷ quy y, trí tuệ tăng trưởng bền vững.

Tên tiếng Phạn:

dīrghāṅguli - दीर्घाङ्गुलि

dīrghā - दीर्घ là duỗi dài, thon dài,

āṅguli - अङ्गुलि là ngón chân, ngón tay.

hợp xưng gọi tên là **Thủ Chỉ Tiêm Trường tướng**.



31. Túc Hạ Nhị Luân tướng

(còn có các tên gọi khác là **Thủ Túc Luân tướng**, **Thiên Phúc Luân tướng**) ý chỉ dưới lòng hai bàn chân của Đức Phật có hình bánh xe báu – thiên phúc luân. Do vô lượng kiếp tinh tiến tu hành các pháp thiện, cúng dường sư tăng, phụ mẫu, hành pháp bố thí không tính toán mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị năng lực bẻ gãy những oán thù, đối địch, ác ma; biểu thị sự chiếu phá ngu si và vô minh che lấp.

Tên tiếng Phạn:

cakrāṅkita pāda - **चक्रङ्कितपाद**

cakrā - **चक्र** là vòng xoay, là bánh xe,

ṅkita - **ङ्कित** là phù hiệu,

pāda - **पाद** là bàn chân.

hợp xưng gọi tên là **Túc Hạ Nhị Luân tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **AḤ**)



Thiên Phúc Luân
(hoa văn dưới lòng bàn chân của Đức Phật)



32. Túc Hạ Bình An tướng

(còn có các tên gọi khác là **Túc Hạ Bình Mãn tướng**, **Túc Đễ Bình An tướng**, **Lưỡng Túc Chưởng Hạ Giai Tất Bình Mãn tướng**) ý chỉ lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn, mềm mại, không có lồi lõm. Do vô lượng kiếp thực hành đạo của Bồ Tát, tu trì lục đạo ba la mật mà đắc được tướng này. Tướng này biểu thị Phật năng dẫn đạo cho chúng sinh tu tập Phật pháp mà thu hoạch được vô lượng công đức.

Tên tiếng Phạn:

supraṭiṣṭhita pāda - सुप्रतिष्ठितपदा

su - सु là hoàn mỹ, cao thượng,

pratiṣṭhita - प्रतिष्ठित là cố định, bền chặt,

pāda - पदा là bàn chân.

hợp xưng gọi tên là **Túc Hạ Bình An tướng**.

Tướng này được thể hiện bằng chủng tử:



(đọc là **HĀM**)

Các kinh điển cũng còn đề cập tới 80 vẻ đẹp của Đức Phật được xưng tán, suy tôn nhân rộng từ 32 tướng tốt kể trên, như dưới đây:

- 1. Tướng hảo cụ túc:** tướng mạo đẹp đẽ, hết thảy chúng hữu tình không thể thấy hết được.
- 2. Đỉnh cốt kiên thực:** xương đỉnh đầu rắn chắc, tròn đầy.
- 3. Đỉnh kế cao hiển:** đỉnh đầu cao hiển không phải ai cũng nhận thấy.
- 4. Thủ phát trường hảo:** tóc trên đầu chắc chắn, không bị đứt sợi, không bao giờ bị rụng.
- 5. Phát tế nghiêm hảo:** tóc trên đầu không bị rời, không bị đan xen vào nhau.
- 6. Phát hương phân phức:** tóc trên đầu thơm tho, mềm mại, xoáy vòng.
- 7. Thủ phát trường tu:** tóc dài, nhỏ sợi, xanh, tóc dày mà không bạc.
- 8. Thủ phát quang trạch:** tóc mượt sang, đẹp đẽ, không bám bụi rậm.
- 9. Ngạch quảng bình chính:** trán rộng, tròn trịa, cân đối, hình dáng đặc biệt đẹp đẽ.

10. Diện môn tướng cụ: bộ mặt không dài, không ngắn, không lớn không nhỏ, đầy sự trang nghiêm.

11. Diện môn xuất hương: bộ mặt thường tỏa ra mùi thơm nồng nàn, cao sang.

12. Diện tướng xu quang: diện mạo sáng , đẹp đẽ, không có nếp nhăn, vết đen.

13. Diện như mãn nguyệt: khuôn mặt rộng rãi, tinh tường, sáng sủa như trăng thu tròn đầy.

14. Mi như sơ nguyệt: cặp mày cao sang, sáng sủa, hình mày như trăng non.

15. Mi sắc thanh cảm: cặp mày mỹ lệ, xuôi thuận, sắc lưu ly đen hồng.

16. Mi tiêm nhi trường: cặp mày dài mà không bạc, sợi mày nhỏ và mềm mại.

17. Mục tiếp thứ đệ: lông mi trên dưới chỉnh tề, mau dày mà không bạc.

18. Mục như thanh liên: tướng mắt dài rộng, xanh như lá sen, đầy vẻ đáng kính.

19. Mục tịnh cảm thanh: tròng mắt xanh trắng phân minh.

20. Tị tu cao trực: mũi cao, dài mà thẳng, không bị lộ lỗ mũi.

21. **Thần sắc đan huy:** màu sáng ấm, bóng hồng, trên dưới tương xứng.
22. **Thiệt quảng nhu nhuyển:** lưỡi mềm mỏng, rộng dài, như màu đồng đỏ.
23. **Tượng vương thanh:** âm thanh uy nghi, sâu rộng, vang âm thấu khắp hư không.
24. **Phạm thanh thâm diệu:** âm thanh du dương đầy đủ, như tiếng vọng từ chốn xa xăm.
25. **Âm thanh như nhã:** âm thanh không chói tai, như tiếng người khi vui mừng.
26. **Nhất âm thuyết pháp:** khi đã thuyết pháp, tùy từng tình huống mà có lý giải riêng.
27. **Pháp âm viên biện:** thuyết pháp với âm lượng to nhỏ tùy theo chúng sinh, cảm lý không sai biệt.
28. **Quan thâm thiên thâm:** tùy theo chúng hữu tình, lời nói vui mà thuyết pháp.
29. **Thứ đệ thuyết pháp:** cách nói có thứ tự, trước sau, không lời nào là bất thiện.
30. **Xỉ bạch tề mật:** hàm răng đều đặn, trắng sạch
31. **Nha lợi minh khiết:** hàm răng tròn trắng, sáng bóng, răng sắc theo đúng mức thứ tự của răng.

- 32. Nhĩ vô quá ác:** hai tai đẹp đẽ, tề chỉnh, cân đối.
- 33. Từ chúy viên mãn:** hai tai dày, rộng, dài, vành tai đầy đặn.
- 34. Thủ phân viên mãn:** hình dáng đầu tròn trịa, cân đối, giống như cái mũ trời cho.
- 35. Thân phận tương xứng:** nửa thân trên uy nghiêm, mạnh mẽ như thân sư tử.
- 36. Thân thể trang nghiêm:** thân thể cao lớn đoan chính.
- 37. Thân tướng kiên thực:** thân thể chắc khỏe, sung sức.
- 38. Thân tướng hồng đại:** thân thể chân tay trông đầy uy lực.
- 39. Thân thể kiên mật:** thân hình kiên cố, cường tráng, tướng mạo hiền lành.
- 40. Uy nghi bị túc:** thân dung đôn hậu, nghiêm túc.
- 41. Thân thể bình chính:** thân hình ổn định, đôn hậu, tròn đầy, không bám bản.
- 42. Phu thể hoạt nhuận:** thân mình mềm mại, trơn ẩm, sáng sủa sạch sẽ, không bám bụi bản.

- 43. Kiến giả hoan hi:** tướng mạo được hết thảy chúng sinh yêu thích.
- 44. Thân thể đoan nghiêm:** thân mình đẹp như tiên, xung quanh bốn bề thân mình sạch bóng.
- 45. Thân quang phá ám:** xung quanh thân mình tròn đầy sáng sủa, khi đi lại thường tỏa sáng.
- 46. Thân vô tà uế:** da dẻ thân thể sạch sẽ, không có mùi hôi, không có mùi hôi.
- 47. Mao khổng xuất hương:** tất cả lỗ chân lông thường tỏa ra mùi thơm như ý.
- 48. Thân mao tiêm nhu:** lông ở thân mình xanh biếc và sáng sạch.
- 49. Chư căn vô nhiễm:** các lỗ (tai, mắt, mũi...) sạch sẽ, tròn đầy.
- 50. Thân thể vô yếm:** da dẻ trơn mềm, không bao giờ bị ghẻ lở.
- 51. Phúc tướng trang nghiêm:** tướng bụng trang nghiêm, tròn đầy, không khiếm khuyết.
- 52. Tề thâm viên tịnh:** rốn sâu tròn, xoay sang bên phải, sạch sẽ, bóng sáng.
- 53. Tề hậu diệu hảo:** rốn đầy, không lõm lõm, quanh rốn đẹp đẽ.

- 54. Chi tiết mật trí:** các đốt xương giao nhau không có chỗ nào thừa, đẹp đẽ như bệ rồng.
- 55. Thân tiệm ung trực:** sống lưng đầy đặn, thứ tự, đẹp đẽ, yên ổn.
- 56. Ngõa cốt ngạt hiện:** các mắt cá chân bình ổn, không trơ lộ.
- 57. Cân mạch tiềm ẩn:** gân mạch liên kết kiên cố, ẩn kín, không hiện rõ.
- 58. Ân xứ hảo diệu:** chỗ khuất đẹp đẽ, uy nghi, đầy đủ.
- 59. Tất cốt viên hảo:** quanh đầu gối đẹp đẽ, tròn trịa, kiên cố, đầy đặn.
- 60. Song vương hành tướng:** quay đầu lại nhìn đều quay phải như long tượng vương cất mình quay tròn.
- 61. Hành bộ tề chính:** bước đi thẳng tiến, uy nghi như long tượng vương.
- 62. Sư tử vương hành:** bước đi uy nghiêm, tề chỉnh.
- 63. Ngưu vương hành tướng:** bước đi an bình, có thứ tự.

- 64. Nga vương hành tướng:** bước tiến, bước dừng nho nhỏ đẹp như thiên nga.
- 65. Hành bất lý địa:** lúc bước đi, bàn chân rời mặt đất mà vẫn hiện dấu chân.
- 66. Thân tướng trì trọng:** thân hình khi bước đi không lắc lư.
- 67. Thủ túc nội mãn:** bàn tay đầy đặn, mềm mại, lòng bàn chân đầy đặn, bình ổn.
- 68. Thủ văn minh triệt:** chỉ tay sâu, dài, rõ rệt.
- 69. Chỉ giáp nhuận trạch:** móng tay dài, mảnh, sáng bóng, tươi sạch.
- 70. Thủ túc chỉ viên:** ngón chân ngón tay tròn nhỏ, dài, mềm mại, không lộ các đốt xương.
- 71. Thủ túc bình đẳng:** chân tay dài đều, không lệch.
- 72. Thủ túc viên mãn:** chân tay tròn đều, mềm mại, sạch sẽ, màu sắc như hoa sen.
- 73. Chỉ vông phân minh:** kẽ ngón chân ngón tay cân bằng, trang nghiêm, diệu hảo.
- 74. Dung sắc bất nhiễu:** dung nhan thư thái, sáng sủa, tươi cười.

75. Uy chấn nhất thiết: uy đức nổi tiếng mọi nơi, kẻ ác trông thấy cũng vui vẻ, kẻ khủng bố trông thấy cũng bình tâm.

76. Đẳng thị chúng sinh: nhìn mọi vật đều có tình cảm, khuyến khích điều lành, hủy bỏ điều dữ, không bị ai ghét tức.

77. Thức thanh tịnh: trước tiên quan sát, sau mới hành động, mọi việc đều có quy củ với ý thức trong sáng.

78. Dung nghi cụ túc: dung nhan khiến cho người đối diện nể trọng.

79. Vô suy lão tướng: dung mạo trẻ mãi không già.

80. Vạn tự đức hòa: tay chân trước ngực cùng chữ Vạn (卐) đều có tướng mạo cát tường, vui vẻ, phúc đức.



Ấn tổng kinh sách được 10 điều lợi ích

1. Những tội lỗi gây ra trước đây sẽ được tiêu trừ; nếu đã thành duyên nghiệp nặng nề thì sẽ được chuyển hóa thành nhẹ nhàng.
2. Thường được Thiên thần ủng hộ, giúp đỡ khỏi tai nạn, bệnh truyền nhiễm, tai nạn nước lụt, lửa cháy, giặc cướp, chiến tranh, lao ngục...
3. Tránh khỏi những quả báo đau khổ, oan gia oan trái của nhiều đời và hiện tại.
4. Được Long Thiên Hộ Pháp thường gia hộ nên những loài quỷ dạ xoa, quỷ ác, rắn độc, cạp đoi đều tránh xa, không dám nhiều hại.
5. Thân tâm được an ổn, ngày không gặp sự nguy hiểm, đêm chẳng thấy chiêm bao dữ, sắc mặt sáng ngời, sức mạnh dồi dào, việc làm được ích lợi tốt.
6. Lòng thành hiến dâng pháp, dầu không mong cầu nhưng sự ăn mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận, hưởng phước lộc lâu dài.
7. Lời nói, việc làm được Người, Trời hoan hỷ, mặc tình đến nơi nào cũng được nhiều người vui mừng yêu thương, tôn trọng, khen ngợi và tin tưởng.

8. Mắc phải chứng mê muội thì sẽ được trở nên sáng trí, thân thể có bệnh tật trở nên khỏe mạnh. Nếu phải ở nơi khốn khổ thì những nơi đó cũng trở nên thịnh vượng, người khốn khổ trở thành hưởng phước.

9. Trọn lìa ác đạo, sanh về cõi lành. Khi tái sinh, nếu là nam thì sẽ trở thành vương tôn công tử, nếu là nữ thì tướng mạo xinh đẹp, tâm trí siêu việt, phúc lộc tròn đầy.

10. Hay làm cho tất cả chúng sinh gieo trồng căn lành, vì tâm chúng sinh mà làm thừa ruộng phước lớn, được vô lượng thắng quả, sinh về chỗ thường được thấy Đức Phật, nghe pháp, thắng đến mở rộng tâm huệ, đích thân chúng lực thông, chóng được thành Phật.

Người in kinh đã có công đức thù thắng như nói trên, cho nên phàm khi gặp chúc thọ đem phẩm vật tặng chúc mừng khỏi tai nạn, khỏi tai họa, cầu phước, tiền cử nhân tài, đều phải hoan hỷ mạnh dạn thực hành bố thí cúng dường.

14 ĐIỀU ĐỨC PHẬT DẠY

1. *Kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình*
2. *Ngu dốt lớn nhất của đời người là dối trá.*
3. *Thất bại lớn nhất của đời người là tự đại.*
4. *Bi ai lớn nhất của đời người là ghen tị.*
5. *Sai lầm lớn nhất của đời người là đánh mất chính mình.*
6. *Tội lỗi lớn nhất của đời người là bất hiếu.*
7. *Đáng thương lớn nhất của đời người là tự ti.*
8. *Đáng khâm phục lớn nhất của đời người là vươn lên sau khi ngã.*
9. *Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng.*
10. *Tài sản lớn nhất của đời người là sức khỏe, trí tuệ.*
11. *Món nợ lớn nhất của đời người là tình cảm.*
12. *Lẽ vật lớn nhất của đời người là khoan dung.*
13. *Khiếm khuyết lớn nhất của đời người là kém hiểu biết.*
14. *An ủi lớn nhất của đời người là bố thí.*

32 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Đỗ Thị Quỳnh
Trình bày: Nguyễn Lâm
Thiết kế bìa: Ngô Đức Thọ
Sửa bản in: Tác giả

In 1.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm. In tại XN In NXB Lao động - Xã hội.

Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản: 1035-2014/CXB/06-81/TG

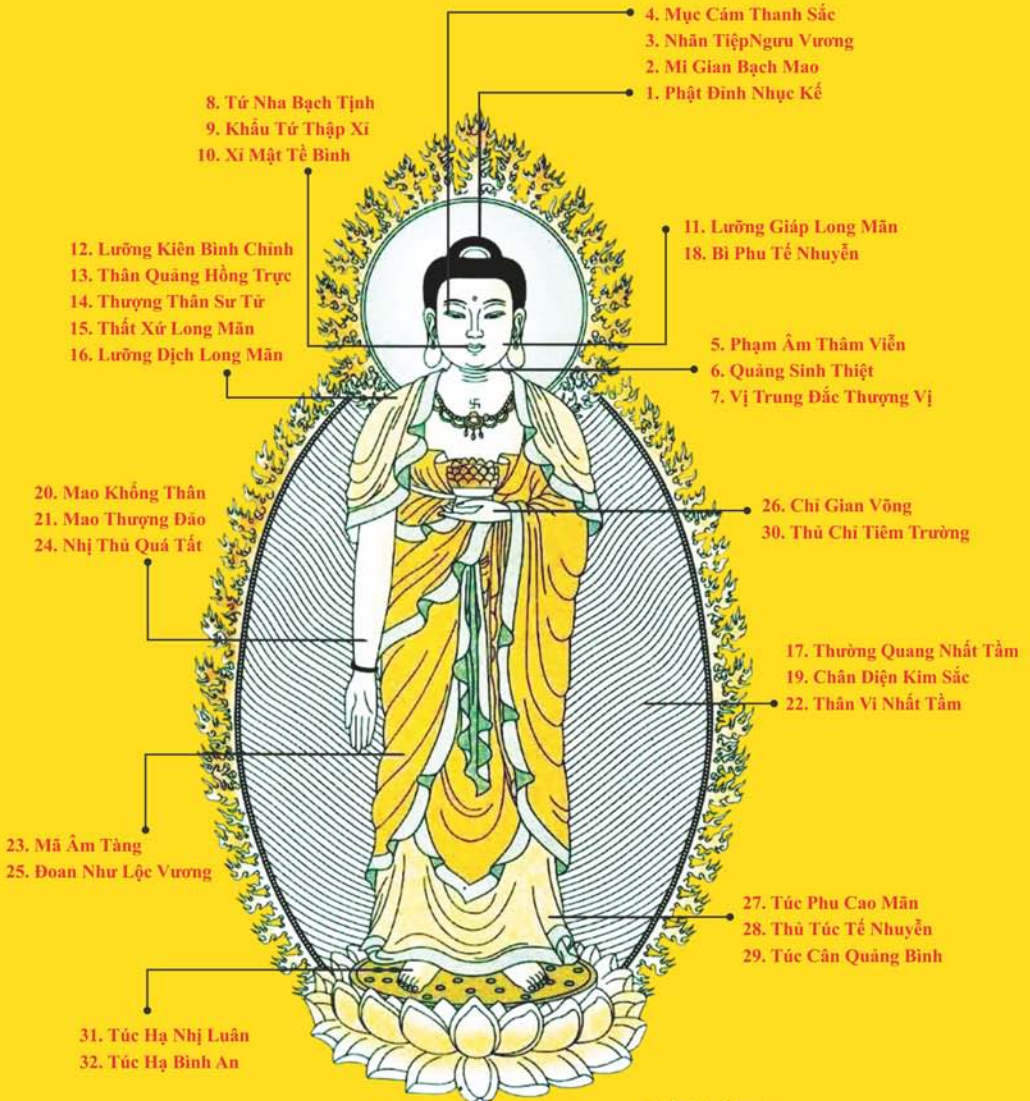
Mã số ISBN: 978-604-61-1273-0

Quyết định xuất bản số: 376/QĐ-NXBTG. Nộp lưu chiếu quý II năm 2014

32 TƯỢNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT

Dvātriṃśatā mahā puruṣa lakṣaṇa

𑖀𑖄𑖁𑖂𑖃𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠



Nguồn ảnh: Internet